TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **57**/2020/HNGĐ – ST
Ngày 15-10-2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Ông Võ Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị P, sinh năm: 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Măng Cải, xã Lộc T, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc L, sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Măng Cải, xã Lộc T, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà tự nguyện chung sống với ông Trần Ngọc L vào năm 2016 nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tính không hợp, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay bà Thị P xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Tuấn A, sinh ngày 29/12/2016 và Trần Anh T, sinh ngày 29/12/20216, Ngoài ra, vợ chồng không có

nuôi con nuôi. Khi ly hôn bà Thị P xin được nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thị P khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Ngọc L vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên tại biên bản xác minh 21/8/2020 xác định: Ông Trần Ngọc L và bà Thị P không chung sống với nhau nữa, ông L về sống nhà riêng của ông L, còn bà Thị P sống chung cùng 2 người con chung. Tại phiên tòa bà Thị P khẳng định hiện nay ông L vẫn đi đi về về và ở tại nhà bà P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung do ông L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị P được ly hôn với ông Trần Ngọc L

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về con: Giao 02 người con chung tên là Trần Tuấn A và Trần Anh T cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, bà P không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Thị P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước yêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc L, yêu cầu của bà Thị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Ngọc L hiện nay vẫn đang làm ăn và sinh sống tại xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Trần Ngọc L. Tuy nhiên, bị đơn ông Trần Ngọc L vẫn vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị P, sinh năm 1977 và ông Trần Ngọc L, sinh năm 1977 tự nguyện kết hôn vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà Thị P và ông L là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Thị P xác định có mâu thuẫn, bà Thị P cho rằng không còn tình cảm với ông L, ông L không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt nên yêu cầu được ly hôn với ông L, về phía ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại biên bản biên bản xác minh 21/8/2020 xác định ông Trần Ngọc L và bà Thị P không chung sống với nhau nữa, ông L về sống nhà mẹ ruột của ông L tại ấp Măng cải, xã Lộc Thiện, còn bà Thị P sống chung cùng 2 người con chung tại nhà bà P. Tại phiên tòa, bà P cho biết hiện nay ông L vẫn sáng đi tối về tại nhà của mẹ bà tại ấp Măng Cải, xã Lộc Thiện, nhưng bà P khẳng định không còn tình cảm gì với ông L nữa. Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L vẫn không có mặt để làm việc và trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà P. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Thị P và ông L đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thị P.

- Về con: Bà Thị P yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày 29/12/2016 và Trần Anh T, sinh ngày 29/12/20216. Hội đồng xé xử xét thấy: hai cháu Tuấn A và Anh T còn nhỏ, hai cháu đang sống chung với bà Thị P, cần sự chăm sóc của mẹ để phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của bà Thị P nên giao hai người con chung cho bà Thị P nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khẳng định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà Thị P phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 51, Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị P

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thị P được ly hôn với ông Trần Ngọc L

- Về con chung: Giao hai người con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày 29/12/2016 và Trần Anh T, sinh ngày 29/12/20216 cho bà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà P không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Thị P đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001141 ngày 29/6/2020

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Quyết